

Phòng GD&ĐT quận Bình Thạnh
Trường Mầm non 11B

CÔNG KHAI TÀI CHÍNH

Ngày 10 tháng 04 năm 2025

STT	Diễn giải	Tổng cộng			
		Đơn vị tính	Đơn giá	Số lượng	Thành tiền
	Hôm trước chuyển sang				189,801
	Suất ăn và tiêu chuẩn trong ngày		37,000	263	9,731,000
	Được chi trong ngày				9,920,801
	Đã chi trong ngày				9,635,305
	1. Dịch vụ				263,000
1	Gas sáng		0	263	0
2	Gas trưa		1,000	263	263,000
	2. Kho				235,000
	Ăn chính				235,000
1	Sữa Grow IQ Plus	Kg	235,000	1	235,000
	3. Đi chợ				9,137,305
	Ăn chính				9,137,305
1	Gạo tẻ	Kg	27,300	13	354,900
2	Bí đao (bí xanh)	Kg	29,400	12	352,800
3	Hành lá (hành hoa)	Kg	78,750	0.3	23,625
4	Hành tây	Kg	36,750	1	36,750
5	Rau ngò	Kg	147,000	0.2	29,400
6	Tỏi	Kg	78,750	0.2	15,750
7	Cải thìa	Kg	42,000	1.5	63,000
8	Thơm (Dứa)	Kg	54,600	4	218,400
9	Thịt nạc	Kg	194,250	3	582,750
10	Thịt gà ta	Kg	110,250	4	441,000
11	Cá thu	Kg	283,500	13	3,685,500
12	Trứng gà	Trứng	4,620	30	138,600
13	Sữa chua (yaourt)	Hũ	7,260	263	1,909,380
14	Đường kính	Kg	38,850	4	155,400
15	Bột bắp	Gói	15,120	17	257,040
16	Muối iốt	Gói	5,500	1	5,500
17	dầu mè đen	Chai	78,840	1	78,840
18	Bắp non	Kg	57,750	4	231,000
19	Phô mai Con bò cười	Hộp	52,920	1	52,920
20	Dầu ăn Tường An 1L	Lít	66,960	2	133,920
21	Nước mắm Hồng Hạnh	Chai	78,840	2	157,680
22	Mía	Kg	31,500	4	126,000
23	Hành tím xay	Kg	68,250	0.2	13,650
24	Cà rốt	Kg	36,750	2	73,500
	Chi kho lũy kế từ đầu tháng				2,585,000
	Chi chợ lũy kế từ đầu tháng				62,181,504
	Suất ăn lũy kế từ đầu tháng			1,807	
	Tiêu chuẩn lũy kế từ đầu tháng				66,859,000
	Đã chi lũy kế từ đầu tháng				66,573,504
	Chênh lệch cuối ngày				285,496

Kế toán


Lương Thị Thân Thương

Phó hiệu trưởng


Nguyễn Thị Diệp Thúy